

Bản án số: 492/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-12-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Thoại

Ông Nguyễn Việt Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình Tuấn – Thư ký TAND huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 406/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Trần Hà G**, sinh năm 1982; Nơi thường trú: Số 404 H, thị trấn E, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội. Nơi ở hiện tại: Phòng xx, Tòa CT1, phường L, quận D, TP Hà Nội. ☐ *Vắng mặt, cú đơn xin xét xử vắng mặt* ☐.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Linh S**, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Số 404 H, thị trấn E, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội. ☐ *Vắng mặt, cú đơn xin xét xử vắng mặt* ☐.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2023, các lời khai tại Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Trần Hà G trình bày: Tôi và anh Nguyễn Linh S có tìm hiểu nhau khoảng một năm rồi đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V ngày 30/10/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chuyển về sinh sống cùng với gia đình nhà anh S tại 404 Hà Huy Tập, V, K, Tp. Hà Nội. Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh S thường xuyên đi nhậu nhẹt không quan tâm đến gia đình, từ nguyên nhân mâu thuẫn này vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra cãi nhau. Sau khi cãi nhau tôi và gia đình đã ngồi lại nói chuyện và khuyên anh S nên thay đổi, quan tâm đến gia đình nhiều hơn nhưng anh S không hề thay đổi. Do thời điểm đó các con còn nhỏ nên tôi đã nhẫn nhịn

để gìn giữ hạnh phúc gia đình. Tháng 3/2020 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng, anh S có đũa tời và tời ra ngoài ở riêng ở Phan Đăng Lưu, thị trấn V, K, Hà Nội. Sau khi ly thân một thời gian thì anh S có đến xin lỗi tời và mong tời trở về sống cùng với anh. Đến tháng 8/2020 vợ chồng tời lại về chung sống với nhau. Từ khi vợ chồng về sống chung đến tháng 10/2020 thì mâu thuẫn vợ chồng tiếp tục xảy ra do anh S thường xuyên rượu bia không quan tâm đến gia đình, vợ chồng chúng tời thường xuyên xảy ra cãi nhau. Sau khi cãi nhau tời cùng ngồi lại nói chuyện với anh S để hai vợ tìm cách giải quyết nhưng tình trạng mâu thuẫn không được cải thiện. Đến tháng 10/2023 vợ chồng tời mâu thuẫn trầm trọng và hai vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng tời cũng không tìm biện pháp nào để cải thiện tình trạng mâu thuẫn nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai bên gia đình cũng biết vợ chồng tời mâu thuẫn và sống ly thân nhưng do chúng tời đã trưởng thành nên để chúng tời tự quyết định hạnh phúc hôn nhân của mình. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, tời đề nghị Tòa án giải quyết cho tời được ly hôn anh Nguyễn Linh S.

Về con chung: Tời và anh S có 02 con chung tên Nguyễn Minh E, sinh ngày 08/9/2008 và Nguyễn Trần Minh Q, sinh ngày 09/12/2010. Hiện cháu E đang sinh sống cùng với anh S còn cháu Q đang sinh sống cùng với tời. Trong e hợp ly hôn nếu các con có nguyện vọng muốn ở với ai thì tời tôn trọng nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung và công nợ chung vợ chồng: Tời không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Linh S vắng mặt tại phiên tòa, có lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử như sau: Về điều kiện đăng ký kết hôn anh nhất trí với lời trình bày của chị G, trong cuộc sống vợ chồng anh cũng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và hay xảy ra cãi nhau. Đến tháng 08/2023 thì anh S và chị G sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh S đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh quay về đoàn tụ nuôi dạy con cái. E hợp chị G nhất quyết xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án huyện K thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán tiến hành tố tụng, xác định quan hệ pháp luật đúng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng; Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn không hợp tác, nhiều lần không đến Tòa án, không chấp hành pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án: Chị G và anh S có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2008 tại UBND thị trấn V, huyện K, TP Hà Nội. Đến khoảng tháng 10/2023, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, vợ chồng ly thân đó đến nay. Xét chị G và anh S không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2023. Chị G, anh S đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo khoản 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cho chị G được ly hôn với

anh S là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh E, sinh ngày 08/9/2008 và Nguyễn Trần Minh Q, sinh ngày 09/12/2010. Do cháu E có nguyện vọng được ở với anh S và cháu Q có nguyện vọng ở với chị G, nên đề nghị HĐXX giao cháu E cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Q cho chị G được trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chị G và anh S không yêu cầu, vì vậy tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của chị G và anh S cho nhau đến khi cháu E và cháu Q đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Về tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh S không yêu cầu, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nhận định về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị G có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Về thẩm quyền theo cấp Tòa án, Tòa án cấp huyện có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú tại số 404 Hà Huy Tập, thị trấn V, huyện K, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, TAND huyện K thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ và cấp tòa án.

[2]. Nhận định về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Trần Hà G và bị đơn là anh Nguyễn Linh S: Xét thấy ngày 21/12/2023 chị G có đơn xin xét xử vắng mặt, ngày 20/12/2023 anh S có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị G và anh S giữ nguyên lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt chị G và anh S là có căn cứ

[3]. Nhận định về tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng: Chị Trần Hà G và anh Nguyễn Linh S đăng ký kết hôn ngày 30/10/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện K, TP Hà Nội, có xuất trình bản chính giấy chứng nhận kết hôn, đủ cơ sở kết luận đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị G trình bày vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2010, đến tháng 3/2023 mâu thuẫn trầm trọng sống ly thân, tháng 8/2023 vợ chồng quay về nhưng đến tháng 10/2023 thì sống ly thân cho đến nay. Anh S trình bày vợ chồng có mâu thuẫn, từ tháng 8/2023 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Địa phương cung cấp vợ chồng chị G anh S sống ly thân nhau từ tháng 10/2023 đến nay. Nên đủ cơ sở kết luận vợ chồng chị G anh S mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân nhau từ tháng 10/2023 đến nay. Xét chị G và anh S đã không còn chung sống với nhau, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình là vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị G được ly hôn với anh S theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

[4]. Nhận định về con chung vợ chồng: Chị G và anh S có 02 con chung tên Nguyễn Minh E, sinh ngày 08/9/2008 và Nguyễn Trần Minh Q, sinh ngày 09/12/2010. Cháu E đang ăn ở sinh sống ổn định với anh S và có nguyện vọng sống với anh S, cháu Q đang ăn ở sinh sống ổn định với chị G và có nguyện vọng sống với chị G khi bố mẹ ly hôn. Chị G và anh S tôn trọng việc lựa chọn nơi ở của các con sau ly hôn. Xét giao cháu E cho anh S và giao cháu Q cho chị G tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng sau khi ly hôn là đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu E và cháu Q theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị G và anh S không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của chị G và anh S cho nhau cho đến khi cháu E và cháu Q đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

[5]. Nhận định về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị Trần Hà G và anh Nguyễn Linh S không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]. Nhận định về án phí ly hôn sơ thẩm: Yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Hà G được chấp nhận nên chị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- + Các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 269, 271, 272, 273, 277 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- + Các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- + Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Hà G đối với anh Nguyễn Linh S. Xử cho chị Trần Hà G được ly hôn với anh Nguyễn Linh S.

2. Về con chung: Chị Trần Hà G và anh Nguyễn Linh S có 02 con chung tên Nguyễn Minh E, sinh ngày 08/9/2008 và Nguyễn Trần Minh Q, sinh ngày 09/12/2010. Khi ly hôn, giao cháu E cho anh S được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; Giao cháu Q cho chị G được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi cháu E và cháu Q trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của chị G và anh S cho nhau cho đến khi cháu E và cháu Q trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

Chị Trần Hà G và anh Nguyễn Linh S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị Trần Hà G và anh Nguyễn Linh S không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Hà G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chị G đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0074231 ngày 23/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nay chuyển thành án phí ly hôn.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị Trần Hà G, anh Nguyễn Linh S vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND h. K;
- Chi cục THADS h. K;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;
- UBND TT V, huyện K, TP Hà Nội (ĐKKH: Số 99, quyền số 01/2008 ngày 30/10/2008).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thiên Hương